

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày: 29-09-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng bao tiêu sản phẩm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Biên

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 29 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng bao tiêu sản phẩm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 09 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số 43/2020/QĐST-DS ngày 16/09/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hợp tác xã dịch vụ nông lâm nghiệp **B**.

Địa chỉ: Thôn **T**, xã **B**, huyện **TS**, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình **ĐT** – Giám đốc.

Bị đơn: Công ty cổ phần tập đoàn bảo tồn và phát triển cây dược liệu **AS**.

Địa chỉ: Thôn **QT**, xã **QTR**, huyện **N**, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đình Văn **Đ** – Giám đốc.

Người làm chứng:

- Ông Lương Đình **D** - Phó giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn bảo tồn và phát triển cây dược liệu **AS**.

Địa chỉ: Thôn **QT**, xã **QTR**, huyện **N**, tỉnh Thanh Hóa.

- UBND xã **B**, huyện **TS**, tỉnh Thanh Hoá

Địa chỉ: Thôn **T**, xã **B**, huyện **N**, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn **G** - Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Xuân **L**.

(Văn bản uỷ quyền ngày 29/9/2020)

Tại phiên toà có mặt ông **ĐT**, ông **D**, ông **L** vắng mặt ông **Đ**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2019 Hợp tác xã dịch vụ nông lâm nghiệp **B** (sau đây viết tắt là HTX **B**) trình bày: Công ty cổ phần tập đoàn bảo tồn và phát triển cây dược liệu **AS** (sau đây viết tắt là Công ty **AS**) và HTX **B** đã ký kết hợp đồng cung cấp giống nghệ và bao tiêu sản phẩm số 215/2017/HĐKT/TĐBTPTCDL vào ngày 17/03/2017 với nội dung: Công ty **AS** đồng ý cung ứng giống nghệ cao sản cho HTX **B**, HTX **B** đồng ý mua và nhận giống nghệ như hai bên đã cam kết thoả thuận theo bản phụ lục hợp đồng A. HTX **B** phải cam kết bán lại toàn bộ số nghệ cao sản thương phẩm trên diện tích đã đăng ký với Công ty **AS**. Công ty **AS** phải cam kết bao tiêu toàn bộ số nghệ cao sản thương phẩm mà mình đã cung cấp giống trên diện tích đã đăng ký với HTX **B**. HTX **B** thanh toán tiền giống lần thứ nhất cho bên Công ty **AS** ngày sau khi HTX **B** ký hợp đồng với Công ty **AS** là 50% tổng giá trị hợp đồng, HTX **B** thanh toán tiền giống lần thứ hai cho bên Công ty **AS** ngay sau khi Công ty **AS** giao giống cho HTX **B** là 20% tổng giá trị hợp đồng, HTX **B** thanh toán nốt 30% còn lại của tổng giá trị hợp đồng bằng việc khấu trừ vào sản phẩm ngay sau khi Công ty **AS** thu mua sản phẩm đầu tiên. Trách nhiệm của Công ty **AS**: Cung cấp đúng thời gian, số lượng và chủng loại đã ghi trong bản phụ lục hợp đồng B, phải chịu trách nhiệm bao tiêu số lượng nghệ cao sản thương phẩm theo giá sàn của thị trường lúc thu hoạch thấp hơn 10% hoặc mua theo giá niêm yết tại thời điểm ký hợp đồng. Trách nhiệm của HTX **B**: Khi thu hoạch nghệ thương phẩm phải bán toàn bộ số nghệ cao sản thương phẩm trên diện tích đã đăng ký với Công ty **AS** theo hợp đồng. Bản phụ lục hợp đồng A được ký ngày 17/03/2017, được đính kèm hợp đồng số 215/2017/HĐKT/TĐBTPTCDL với nội dung hai bên thực hiện việc giao nhận giống nghệ cao sản với số lượng 1.800kg đơn giá 45.000đ, thành tiền 81.000.000đ, hình thức thanh toán: lần 1 là 50% tổng giá trị hợp đồng, thành tiền là 40.500.000đ ngay sau ký hợp đồng; lần 2 là 10% giá trị giống, thành tiền là 8.100.000đ khi nhận giống; lần 3 công ty cho hội viên nợ lại 40%, thành tiền 32.400.000đ khấu trừ sản phẩm sau thu hoạch. Bản phụ lục hợp đồng B được ký ngày 17/03/2017 thoả thuận hai bên thực hiện việc giao nhận hàng hoá theo dược liệu thương phẩm trên diện tích 9000m² tại địa chỉ **B**, **TS**, Thanh Hoá, tên hàng là sản phẩm nghệ tươi, đơn giá niêm yết là 13.000đ/kg. Trước khi ký kết hợp đồng, ngày 24/02/2017 HTX **B** có nộp tiền đặt cọc giống nghệ cho Công ty **AS** với số tiền là 2.000.000đ (có phiếu thu), ngay sau khi ký hợp đồng thì cùng ngày 17/03/2017 HTX **B** nộp cho Công ty **AS** số tiền giống nghệ cao sản là 25.000.000đ (có phiếu thu), ngày 12/05/2017 HTX **B** nộp cho Công ty **AS** số tiền giống nghệ cao sản là 19.710.000đ (có phiếu thu). Để thực hiện hợp đồng đối với Công ty **AS**, ngay sau khi ký hợp đồng với Công ty **AS** thì HTX **B** đã triển khai việc thực hiện hợp đồng đến 13 hộ dân tại xã **B**, huyện **TS**, tỉnh Thanh Hoá là thành viên của HTX **B** để thực hiện việc trồng nghệ trên diện tích 9000m². Quá trình thực

hiện hợp đồng đối với **AS**, HTX **B** đã thực hiện nghiêm chỉnh như đúng với thoả thuận trong hợp đồng. Đến kỳ thu hoạch nghệ Công ty **AS** không thực hiện việc thu mua, bao tiêu sản phẩm như đã thoả thuận, ngày 21/05/2018 Công ty **AS** có văn bản nhất trí bồi thường cho các hộ dân trồng nghệ bằng 50% số tiền giống các hộ mua với công ty và đề nghị tiếp tục hợp đồng đối với mùa vụ 2018 - 2019. Ngày 31/05/2018 Công ty **AS** thực hiện thu mua 860 kg nghệ với giá niêm yết là 13.000đ/kg thành tiền là 11.180.000đ, hạn chót nhất đến ngày 30/08/2018 sẽ thanh toán, tuy nhiên đến nay Công ty **AS** vẫn chưa thanh toán số tiền này cho HTX **B**. Kể từ khi đến kỳ thu hoạch nghệ mùa vụ năm 2017 - 2018 đến thời điểm trước khi khởi kiện đến Tòa án, HTX **B** đã liên lạc, gửi thông báo và đến trụ sở Công ty **AS** nhiều lần để yêu cầu Công ty **AS** thực hiện hợp đồng, tuy nhiên phía Công ty **AS** vẫn chây ỳ, trốn tránh không gặp và không thực hiện hợp đồng. Đến nay HTX **B** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty **AS** phải trả cho HTX **B** các khoản tiền sau:

- Yêu cầu Công ty **AS** phải bồi thường thiệt hại hợp đồng đối với những khoản tiền sau:

- + Tổng số tiền giống nghệ Công ty **AS** đã nhận của HTX **B** 03 lần là 46.710.000đ

- + Tiền nghệ thương phẩm công ty thu mua ngày 31 tháng 05 năm 2018 là 11.810.000 đồng.

- + Tiền đầu tư cho 0.9 ha trồng nghệ của HTX **B** là 110.520.000 đồng.

- + Tiền công ty **AS** phải thanh toán 50% tiền giống nghệ cho HTX vụ 2017 - 2018 theo giấy thoả hiệp thời gian thu hoạch nghệ và bao tiêu nghệ thương phẩm số 26/BT và PTDL ngày 21 tháng 05 năm 2018 của Công ty **AS** là 46.710.000 đồng x 50% = 23.355.000đ

Tổng là 192.395.000đ (*Một trăm chín mươi hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 02 năm 2019 và tại phiên toà, HTX **B** xin rút một phần yêu cầu và chỉ yêu cầu Tòa án buộc Công ty **AS** phải trả cho HTX các khoản tiền sau:

- Buộc Công ty **AS** phải bồi thường thiệt hại hợp đồng cho HTX **B** các khoản:

- + Tổng số tiền giống nghệ là 46.710.000 đồng trừ đi 1.279.500 đồng (là giá trị giống nghệ trên diện tích 0,025 ha là diện tích công ty **AS** đã thu mua nghệ thương phẩm với khối lượng 860 kg) còn lại 45.430.500 đồng.

- + Tổng số tiền đầu tư phân bón là 27.500.000 đồng.

- Buộc Công ty **AS** phải trả tiền nghệ thương phẩm Công ty **AS** đã thu mua ngày 31 tháng 05 năm 2018 là 11.810.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty **AS** phải thanh toán cho HTX **B** là 84.740.500 đồng làm tròn là 84.740.000đ (*Tám mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Tại phiên toà, người làm chứng ông Lê Xuân **L** trình bày: Vào năm 2015 Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **N**, tỉnh Thanh Hoá có chủ trương đưa chương trình trồng cây nghệ vào địa phương nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp, tạo việc làm và thu nhập cho nhân dân ở địa phương, từ đó UBND xã **B** đã kết hợp với HTX **B** đi tìm công ty

cung cấp giống nghệ cao sản và bao tiêu sản phẩm nhằm ổn định đầu ra cho sản phẩm mà các hộ dân sản xuất. Năm 2017 UBND xã đã kết nối HTX **B** và công ty **AS** thực hiện ký kết hợp đồng cung cấp giống nghệ và bao tiêu sản phẩm trên diện tích đăng ký là 9000m². Sau khi ký kết hợp đồng, HTX đã mua giống nghệ của Công ty **AS**, đồng thời thông qua Hội nông dân xã **B** mua phân của công ty Tiến Nông với tổng số tiền là 27.500.000 đồng và thực hiện việc cấp giống nghệ và phân cho 13 hộ dân là thành viên của HTX **B** để các hộ dân thành viên thực hiện việc trồng nghệ. Đến kỳ thu hoạch đầu năm 2018 thì Công ty **AS** chỉ thực hiện việc thu mua đối với 860 kg nghệ tương đương với diện tích 0,025 ha, số nghệ còn lại Công ty **AS** lấy lý do là gặp khó khăn về tài chính, làm ăn kinh doanh nên không thu mua và bao tiêu sản phẩm được và hẹn đến sang năm 2019 nếu HTX vẫn để lại trồng nghệ trên toàn bộ diện tích 9000m² thì công ty sẽ thu mua và bao tiêu sản phẩm.

Tại phiên toà, người làm chứng ông Lương Đình **D** trình bày: Việc ký kết hợp đồng cung cấp giống nghệ và bao tiêu sản phẩm giữa Công ty **AS** và HTX **B** là thực tế. Sau khi ký kết hợp đồng, HTX **B** đã nộp cho Công ty **AS** số tiền nghệ giống 03 lần với tổng số tiền là 46.710.000 đồng. Theo hợp đồng thì giá giống nghệ là 45.000đ/kg, giá nghệ thương phẩm thu mua là 13.000đ/kg, diện tích trồng nghệ là 9000m². Quá trình thực hiện hợp đồng, HTX **B** đã thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng, tuy nhiên đến kỳ thu hoạch do Công ty **AS** gặp khó khăn trong kinh doanh, không đủ năng lực tài chính nên đã không thể thu mua được nghệ của HTX **B** như đã cam kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: HTX **B** khởi kiện yêu cầu công ty **AS** bồi thường thiệt hại cho HTX **B** do công ty **AS** vi phạm hợp đồng cung cấp giống nghệ và bao tiêu sản phẩm nên, hợp đồng cung cấp giống nghệ và bao tiêu sản phẩm được ký kết giữa các bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 **Đ** 30 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện **N**, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Đình Văn **Đ** để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của HTX **B**. Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng ông Đình Văn **Đ** không có mặt nên Toà án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông **Đ** theo quy định tại khoản 3 **Đ** 210 BLTTDS. Ông **Đ** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng ông **Đ** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207

BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ ông **D** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng ông **D** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt ông **D**.

[3] Về nội dung: Công ty **AS** và HTX **B** đã ký kết hợp đồng cung cấp giống nghệ và bao tiêu sản phẩm số 215/2017/HĐKT/TĐBTPTCDL vào ngày 17/03/2017 với nội dung: Công ty **AS** đồng ý cung ứng giống nghệ cao sản cho HTX **B**, HTX **B** đồng ý mua và nhận giống nghệ như hai bên đã cam kết thoả thuận theo bản phụ lục hợp đồng A. HTX **B** phải cam kết bán lại toàn bộ số nghệ cao sản thương phẩm trên diện tích đã đăng ký với Công ty **AS**. Công ty **AS** phải cam kết bao tiêu toàn bộ số nghệ cao sản thương phẩm mà mình đã cung cấp giống trên diện tích đã đăng ký với HTX **B**. HTX **B** thanh toán tiền giống lần thứ nhất cho bên Công ty **AS** ngay sau khi HTX **B** ký hợp đồng với Công ty **AS** là 50% tổng giá trị hợp đồng, HTX **B** thanh toán tiền giống lần thứ hai cho bên Công ty **AS** ngay sau khi Công ty **AS** giao giống cho HTX **B** là 20% tổng giá trị hợp đồng, HTX **B** thanh toán nốt 30% còn lại của tổng giá trị hợp đồng bằng việc khấu trừ vào sản phẩm ngay sau khi Công ty **AS** thu mua sản phẩm đầu tiên. Trách nhiệm của Công ty **AS**: Cung cấp đúng thời gian, số lượng và chủng loại đã ghi trong bản phụ lục hợp đồng B, phải chịu trách nhiệm bao tiêu số lượng nghệ cao sản thương phẩm theo giá sàn của thị trường lúc thu hoạch thấp hơn 10% hoặc mua theo giá niêm yết tại thời điểm ký hợp đồng. Trách nhiệm của HTX **B**: Khi thu hoạch nghệ thương phẩm phải bán toàn bộ số nghệ cao sản thương phẩm trên diện tích đã đăng ký với Công ty **AS** theo hợp đồng. Bản phụ lục hợp đồng A được ký ngày 17/03/2017, được đính kèm hợp đồng số 215/2017/HĐKT/TĐBTPTCDL với nội dung hai bên thực hiện việc giao nhận giống nghệ cao sản với số lượng 1.800kg đơn giá 45.000đ, thành tiền 81.000.000đ, hình thức thanh toán: lần 1 là 50% tổng giá trị hợp đồng, thành tiền là 40.500.000đ ngay sau ký hợp đồng; lần 2 là 10% giá trị giống, thành tiền là 8.100.000đ khi nhận giống; lần 3 công ty cho hội viên nợ lại 40%, thành tiền 32.400.000đ khấu trừ sản phẩm sau thu hoạch. Bản phụ lục hợp đồng B được ký ngày 17/03/2017 thoả thuận hai bên thực hiện việc giao nhận hàng hoá theo được liệu thương phẩm trên diện tích 9000m² tại địa chỉ **B**, **TS**, Thanh Hoá, tên hàng là sản phẩm nghệ tươi, đơn giá niêm yết là 13.000đ/kg. Trước khi ký kết hợp đồng, ngày 24/02/2017 HTX **B** có nộp tiền đặt cọc giống nghệ cho Công ty **AS** với số tiền là 2.000.000đ (có phiếu thu), ngay sau khi ký hợp đồng thì cùng ngày 17/03/2017 HTX **B** nộp cho Công ty **AS** số tiền giống nghệ cao sản là 25.000.000đ (có phiếu thu), ngày 12/05/2017 HTX **B** nộp cho Công ty **AS** số tiền giống nghệ cao sản là 19.710.000đ (có phiếu thu).

HTX **B** đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc Công ty **AS** phải trả cho HTX **B** tổng số tiền là 84.740.000đ, tự nguyện rút yêu cầu đối với số tiền 107.655.000 đồng. Nên căn cứ **D** 244 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) chấp nhận đề nghị và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đối với số tiền 107.655.000 đồng.

HTX **B** đã thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng, Công ty **AS** đã vi phạm hợp đồng về việc không thu mua, bao tiêu toàn bộ sản phẩm nghệ, không thanh toán tiền thu mua một phần nghệ thương phẩm như đã cam kết dẫn đến các thiệt hại của HTX **B**. Các thiệt hại hợp đồng của HTX **B** là thực tế. Nghĩ nên căn cứ Điều 4, Điều 430 Điều 440 Bộ luật dân sự (sau đây viết tắt là BLDS); Điều 4, Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại chấp nhận yêu cầu HTX **B**.

[4] Về án phí: Do Công ty **AS** phải trả toàn bộ số tiền HTX **B** yêu cầu nên phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí HTX **B** đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện **N** sẽ được trả lại cho HTX **B**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 4, Điều 430 Điều 440 BLDS; Điều 4, Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, , khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu của Hợp tác xã dịch vụ nông lâm nghiệp **B** buộc Công ty cổ phần tập đoàn bảo tồn và phát triển cây dược liệu **AS** phải trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông lâm nghiệp **B** số tiền là 84.740.000đ (*Tám mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Đình chỉ yêu cầu của Hợp tác xã dịch vụ nông lâm nghiệp **B** về việc buộc Công ty cổ phần tập đoàn bảo tồn và phát triển cây dược liệu **AS** phải trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông lâm nghiệp **B** số tiền 107.655.000đ (*Một trăm linh bảy triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hợp tác xã dịch vụ nông lâm nghiệp **B** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng Công ty cổ phần tập đoàn bảo tồn và phát triển cây dược liệu **AS** còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Công ty cổ phần tập đoàn bảo tồn và phát triển cây dược liệu **AS** phải chịu 4.237.000đ (Bằng chữ: Bốn triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Hợp tác xã dịch vụ nông lâm nghiệp **B** số tiền 4.800.000đ (Bằng chữ: bốn triệu tám trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **N**, theo biên lai số AA/2018/0006780 ngày 10/12/2019.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Đức Hoàn

Phạm Ngọc Biên

Nguyễn Thanh Tân